

Hà Nam, ngày 29 tháng 12 năm 2021

THÔNG CÁO BÁO CHÍ
VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH HÀ NAM NĂM 2021

Năm 2021 là năm đầu tiên thực hiện Kế hoạch 5 năm (2021-2025) diễn ra trong bối cảnh cả thế giới đang phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp với các biến chủng mới đẩy nhiều quốc gia vào khủng hoảng kép về y tế và kinh tế.

Ở trong nước, tính đến hết quý III/2021 kinh tế vĩ mô phụ thuộc vào tình hình kiểm soát dịch Covid-19 và tốc độ tiêm vắc-xin. Nhiều tỉnh, thành phải áp dụng Chỉ thị 16 của Chính phủ; nhiều khu công nghiệp phải tạm dừng hoạt động đã ảnh hưởng xấu đến tăng trưởng kinh tế toàn quốc. Tuy nhiên, với sự tích cực của Chính phủ và nỗ lực của các cấp, ngành, địa phương trên toàn quốc trong việc vừa chống dịch, vừa phát triển kinh tế, ổn định an sinh xã hội, từ quý IV/2021 tốc độ tiêm vắc xin đã được đẩy mạnh với độ phủ sóng rộng khắp. Các tỉnh, thành có quy mô kinh tế lớn đã kiểm soát dịch bệnh và tiến hành mở cửa các hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương châm "An toàn là trên hết", "An toàn tới đâu mở cửa tới đó, mở cửa thì phải an toàn". Người lao động có xu hướng trở lại thành phố để tìm việc, doanh nghiệp chủ động thực hiện các biện pháp 5K nhằm từng bước khôi phục sản xuất.

Ở trong tỉnh, ngay từ đầu năm 2021 UBND tỉnh đã kịp thời ban hành những nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 và các văn bản, chính sách tăng cường quản lý, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh. Trong năm qua, với sự đồng lòng của toàn hệ thống chính trị, doanh nghiệp và nhân dân trong việc thực hiện mục tiêu “Thích ứng an toàn, linh hoạt và kiểm soát hiệu quả dịch bệnh”; vừa phòng, chống dịch hiệu quả, bảo vệ sức khỏe người dân vừa ổn định xã hội, phát triển kinh tế, tình hình Kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Nam vẫn đạt được những kết quả tích cực sau:

I. KẾT QUẢ KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2021

1. Tăng trưởng kinh tế

Tổng sản phẩm trong tỉnh GRDP năm 2021 (theo giá so sánh 2010) ước đạt 41.430,2 tỷ đồng, tăng 8,85% so cùng kỳ năm 2020. Đây là mức tăng thấp so với các năm trước¹, tuy nhiên vẫn là mức tăng trưởng cao thứ 3 trong khu vực Đồng bằng Sông Hồng², thứ 6 toàn quốc³. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,8%, đóng góp 0,2 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 12,5%, đóng góp 8,0 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 2,6%, đóng góp 0,7 điểm phần trăm. Công nghiệp tuy bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19 nhưng vẫn là ngành chủ đạo đóng góp nhiều nhất vào tăng trưởng của toàn tỉnh. Trong năm, giá trị tăng thêm ngành công nghiệp tăng trưởng 13,1%, đóng góp 7,2 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung.

Về cơ cấu kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 9,2%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 66,3%; khu vực dịch vụ chiếm 24,5%.

Khu vực Công nghiệp - xây dựng ngày càng khẳng định vị trí quan trọng, quyết định tốc độ tăng chung của nền kinh tế. Trong đó, ngành công nghiệp chiếm tỷ trọng lớn: 89,7% về giá trị sản xuất; 87,0% về giá trị tăng thêm. Ngành xây dựng chỉ chiếm một tỷ trọng nhỏ: 10,3% về giá trị sản xuất và 13,0% về giá trị tăng thêm, tuy nhiên cũng đạt mức tăng trưởng cao (8,7%) trong năm 2021.

2. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2021 trên địa bàn tỉnh đối mặt với nhiều thách thức khi dịch Covid-19 bùng phát và diễn biến phức tạp, nhiều chuỗi cung ứng bị gián đoạn nên giá nguyên vật liệu đầu vào và giá thức ăn chăn nuôi tăng cao, thị trường tiêu thụ sản phẩm bị thu hẹp, giá bán sản phẩm giảm,... Trước những khó khăn, thách thức, ngành Nông nghiệp đã có nhiều giải pháp ứng phó kịp thời, hiệu quả nên sản xuất nông nghiệp vẫn giữ được nhịp tăng trưởng, góp phần đảm bảo tốc độ tăng trưởng chung cho toàn ngành kinh tế của tỉnh.

¹ So với cùng kỳ năm trước: năm 2020 tăng 7,0%; 2019 tăng 12,0%; 2018 tăng 11,9%; 2017 tăng 10,8%; 2016 tăng 12,6%.

² Tăng trưởng năm 2021 vùng ĐBSH: Vĩnh Phúc +8,0%; Bắc Ninh +6,9%; Hà Nội +2,9%; Hải Phòng +12,4%; Hải Dương +8,6%; Quảng Ninh +10,3%; Hưng Yên +6,5%; Thái Bình +6,7%; Nam Định +7,7%; Ninh Bình +5,7%.

³ Sau Hải Phòng +12,4%; Quảng Ninh +10,3%; Gia Lai +9,7%; Ninh Thuận +9,0%; Thanh Hóa +8,9%.

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản cả năm 2021 ước đạt 8.272,8 tỷ đồng (giá SS 2010), tăng 1,9% so với năm 2020. Trong đó: giá trị sản xuất nông nghiệp 7.472,9 tỷ đồng, tăng 2,2%; lâm nghiệp 14,2 tỷ đồng, giảm 2,3%; thủy sản 785,7 tỷ đồng, bằng 99,0% so cùng kỳ. Kết quả một số ngành như sau:

a. Nông nghiệp

- Kết quả trồng trọt

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm cả năm 2021 là 78.052,3 ha, giảm 1,3% (-991,9 ha)⁴ so với năm 2020.

Cây lương thực có hạt: diện tích lúa gieo trồng cả năm là 59.553,0 ha, giảm 1,6% (-980,5 ha), năng suất bình quân đạt 62,3 tạ/ha (+0,1 tạ/ha), sản lượng ước đạt 371,0 nghìn tấn, giảm 1,4% (-5,2 nghìn tấn). Ngô gieo trồng 5.371,8 ha, giảm 2,8% (-152,4 ha), năng suất bình quân đạt 56,6 tạ/ha (+0,6 tạ/ha), sản lượng đạt 30,4 nghìn tấn, giảm 1,8% (-557,8 tấn) so với cùng kỳ. Tổng sản lượng lương thực có hạt năm 2021 đạt 401,4 nghìn tấn, giảm 1,4% (-5,8 nghìn tấn) so với cùng kỳ năm 2020.

Cây lấy củ có chất bột: diện tích gieo trồng 680,5 ha, tương đương so với năm 2020, trong đó: khoai lang gieo trồng 413,7 ha, giảm 5,3% (-23,3 ha), năng suất 122,9 tạ/ha, tăng 1,5 tạ/ha, sản lượng 5.084,6 tấn, giảm 4,2% (-221,6 tấn) so cùng kỳ.

Cây có hạt chứa dầu: diện tích gieo trồng 1.367,2 ha, giảm 18,1% (-302,1 ha) so với năm 2020, trong đó: cây đỗ tương đạt 857,5 ha, giảm 29,7% (-361,9 ha), năng suất 15,2 tạ/ha, tăng 0,6 tạ/ha, sản lượng 1.306,7 tấn, bằng 73,5% (-472,2 tấn); lạc 491,9 ha, tăng 12,4% (-54,4 ha), năng suất 29,2 tạ/ha, tăng 0,4 tạ/ha, sản lượng 1.436,5 tấn, tăng 14,0% (+175,9 tấn).

Cây rau, đậu, hoa các loại: diện tích gieo trồng đạt 9.565,4 ha, tăng 4,8% (+438,5 ha) so với cùng kỳ 2020, trong đó: rau các loại đạt 9.063,5 ha, tăng 4,8% (+416,1 ha), năng suất 188,1 tạ/ha, tăng 2,6 tạ/ha, sản lượng 170,5 nghìn tấn, tăng 7,5% (+11,8 nghìn tấn).

Vụ đông 2021-2022 diễn ra trong điều kiện thời tiết tương đối phức tạp, cuối tháng 9 đến giữa tháng 10 do tác động của hoàn lưu bão số 7 và số 8 gây mưa lớn làm cho 2.223,2 ha diện tích cây vụ đông đã trồng bị ảnh hưởng, trong đó 567 ha thiệt hại trên mức 70%. Tính đến trung tuần tháng 12, toàn tỉnh gieo trồng được

⁴ Trong đó: diện tích vụ đông xuân 2021 giảm 723,1 ha và vụ mùa giảm 268,8 ha, nguyên nhân giảm chủ yếu do thu hồi đất để xây dựng các dự án tái định cư, làm đường, khu công nghiệp..., một số diện tích chuyển sang nuôi trồng thủy sản, trồng cây lâu năm.

9.459,9 ha, đạt 92,4% kế hoạch, trong đó: ngô gieo trồng được 2.100,1 ha, đậu tương 416,5 ha, khoai lang 235 ha, lạc 111,2 ha, rau các loại 5.631,2 ha...

Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất cây ăn quả bước đầu đem lại bước tiến vượt bậc cả về năng suất và giá trị kinh tế, đảm bảo nguồn thu nhập ổn định cho người nông dân so với trồng lúa và các loại cây truyền thống. Bên cạnh đó, ngành nông nghiệp đã chủ động nghiên cứu đưa những giống cây mới phù hợp với khí hậu, đất đai tại địa phương, đa dạng hóa sản phẩm gắn với thị trường tiêu thụ, tăng tính cạnh tranh trên thị trường. Ước tính năm 2021, tổng diện tích cây lâu năm là 6.565,6 ha, tăng 2,7% (+169,9 ha) so với năm 2020, trong đó diện tích trồng cây ăn quả 6.129,2 ha, tăng 3,2% (+194,5 ha). Hầu hết diện tích đã cho thu hoạch ổn định nên năng suất, sản lượng các cây ăn quả chủ yếu của tỉnh đều tăng cao so với năm trước, cụ thể: chuối năng suất đạt 123,4 tạ/ha, tăng 3,9 tạ/ha, sản lượng ước đạt 21,5 nghìn tấn, tăng 6,0%; bưởi năng suất 97,0 tạ/ha, tăng 4,5 tạ/ha, sản lượng 5,8 nghìn tấn, tăng 11,1%; nhãn năng suất 39,8 tạ/ha, tăng 1,1 tạ/ha, sản lượng 5,8 nghìn tấn, tăng 4,3%...

- Kết quả chăn nuôi

Năm 2021, trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, tình hình chăn nuôi trên địa bàn tỉnh đối mặt với nhiều khó khăn: giá thức ăn chăn nuôi và chi phí đầu tư cho sản xuất tăng cao trong khi đó giá bán sản phẩm chăn nuôi có xu hướng giảm, thị trường tiêu thụ thu hẹp, vận chuyển sản phẩm bị hạn chế, chi phí vận chuyển tăng... Giá thịt lợn hơi có xu hướng giảm trong nhiều tháng và giảm mạnh trong quý III, có thời điểm giá bán xuống thấp (chỉ dao động ở mức 30-32 nghìn đồng/kg). Chăn nuôi gia cầm thu hẹp sản xuất, quy mô đàn giảm. Tuy nhiên, những tháng cuối năm, tình hình chăn nuôi có nhiều tín hiệu tích cực hơn khi toàn tỉnh chuyển sang trạng thái “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19”, thị trường tiêu thụ được mở rộng, nhu cầu tiêu dùng tăng kéo theo giá bán sản phẩm có xu hướng tăng, vận chuyển sản phẩm chăn nuôi được thông suốt... Giá thịt lợn hơi sau thời gian giảm mạnh đã tăng giá trở lại (hiện tại dao động từ 46-48 nghìn đồng/kg), phần nào gỡ khó cho người chăn nuôi, tạo tiền đề để khôi phục lại tổng đàn.

Chăn nuôi trâu, bò trên địa bàn tỉnh năm 2021 ít biến động. Chăn nuôi bò sữa được phát triển theo hướng bền vững, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, tiếp tục được tạo điều kiện về vốn và kỹ thuật; đàn bò thịt, bò sinh sản phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa chuyên canh, đến nay toàn tỉnh đã có 6 khu quy hoạch chăn nuôi bò sinh sản, bò thịt tập trung với tổng diện tích là 49,32 ha,

số con hiện có là trên 600 con. Về đàn trâu, quy mô chăn nuôi còn nhỏ lẻ, năng suất thấp, đầu vào còn phụ thuộc vào nước ngoài, liên kết chuỗi giá trị chưa phát triển, quy hoạch chăn nuôi gặp nhiều khó khăn do thiếu quỹ đất để phát triển đàn.

Số lượng con nuôi ước tính đến thời điểm 31/12/2021 và so cùng kỳ 2020: Đàn trâu 3.650 con, tăng 0,1%; đàn bò 32.800 con, tăng 1,4%, trong đó bò sữa 4.470 con, tăng 4,7%; tổng đàn lợn 370 nghìn con, tăng 1,1%; tổng đàn gia cầm 8,5 triệu con, giảm 7,2%, trong đó gà 5,6 triệu con, giảm 5,5%.

Sản lượng thịt hơi gia súc, gia cầm xuất chuồng năm 2021 đạt 97.413 tấn, tăng 2,4% so với năm 2020, trong đó thịt lợn hơi xuất chuồng 70.636 tấn, tăng 4,2%; thịt trâu hơi 173 tấn, tăng 1,8%; thịt bò hơi 2.280 tấn, tăng 1,1%; thịt gia cầm hơi xuất chuồng đạt 22.753 tấn, tăng 1,5% so cùng kỳ năm 2020.

b. Lâm nghiệp

- Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng

Sản xuất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh năm 2021 tương đối thuận lợi, cây trồng sinh trưởng và phát triển tốt. Công tác bảo vệ rừng hiện có được đảm bảo và duy trì thường xuyên, diện tích rừng được giao khoán bảo vệ là 2.650,2 ha. Công tác phòng chống cháy rừng tiếp tục được sự quan tâm phối hợp của các ngành chức năng, từ đầu năm đến nay chưa có vụ cháy rừng nào xảy ra trên địa bàn tỉnh. Năm 2021, số cây lâm nghiệp trồng phân tán là 344,6 nghìn cây, đạt 114,9% so với kế hoạch, tăng 1,9% so với cùng kỳ năm 2020.

- Sản lượng khai thác gỗ và lâm sản khác

Ước tính sản lượng lâm nghiệp năm 2021, gỗ khai thác (chủ yếu là từ rừng trồng) đạt 1.963,3 m³, giảm 0,8%; củi khai thác 280,2 ster, giảm 6,4% so cùng kỳ năm trước.

c. Thủy sản

Sản xuất thủy sản trên địa bàn tỉnh năm 2021 gặp một số bất lợi do tác động của dịch Covid-19 kéo theo thị trường tiêu thụ sản phẩm thủy sản bị hạn chế bởi nhiều cơ sở ăn uống, nhà hàng, khách sạn tạm ngừng hoạt động, giá bán các sản phẩm giảm, giá thức ăn chăn nuôi cao... Tuy nhiên, ngành thủy sản của tỉnh đã chủ động thích ứng kịp thời trước những khó khăn đó, kết quả sản xuất thủy sản nhìn chung được duy trì ổn định so với cùng kỳ năm trước.

- Kết quả nuôi trồng thủy sản:

Sản lượng thủy sản nuôi trồng cả năm 2021 đạt 24.116,6 tấn, giảm 0,7% so với năm 2020, trong đó: sản lượng cá 24.083,3 tấn, giảm 0,8%; sản lượng thủy sản khác 33,3 tấn, tăng gần gấp đôi so cùng kỳ.⁵

- Kết quả khai thác thủy sản:

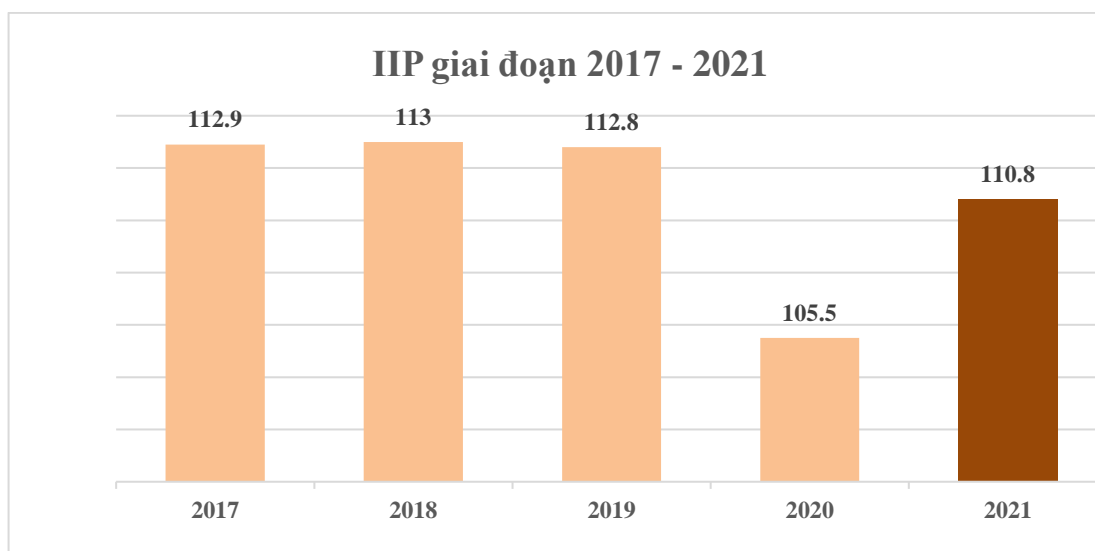
Sản lượng thủy sản khai thác năm 2021 toàn tỉnh đạt 467,9 tấn, giảm 1,4% so với năm 2020, trong đó: cá khai thác đạt 350 tấn, giảm 0,8%, sản lượng tôm khai thác 26,6 tấn, giảm 1,8%, sản lượng thủy sản khác đạt 91,3 tấn, giảm 3,3% so với cùng kỳ.

3. Công nghiệp

Năm 2021 là năm tiếp tục có nhiều biến động và thách thức đối với hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn. Dưới tác động trực tiếp của hai làn sóng dịch Covid-19, chuỗi cung ứng nguyên vật liệu và tiêu thụ sản phẩm bị gián đoạn, tồn kho nhiều, chi phí xuất khẩu tăng, chi phí vận tải biển tăng, phát sinh chi phí test Covid-19 cho lái xe qua các chốt kiểm dịch... một số doanh nghiệp phải sản xuất cầm chừng, sắp xếp lại lao động, chậm lương công nhân, chủ động tìm nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ sản phẩm. Bên cạnh đó, giá nguyên vật liệu đầu vào ở một số ngành tăng cao như: giá than, giá đất giàu sắt, giá thạch cao, giá phôi sắt thép, giá các loại ngũ cốc sản xuất thức ăn chăn nuôi đều tăng, cũng tạo thêm áp lực cho doanh nghiệp. Song với sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân toàn tỉnh trong việc phòng, chống dịch Covid-19, đến nay dịch bệnh cơ bản được kiểm soát. Ngành công nghiệp đang dần lấy lại đà tăng trưởng, các doanh nghiệp nỗ lực đẩy mạnh sản xuất những tháng cuối năm để hoàn thành các đơn hàng cũ, tích cực kiếm đối tác mới tạo tiền đề hồi phục sản xuất.

Tính chung năm 2021, IIP tăng 10,8% so với năm 2020, đây là mức tăng khá trong điều kiện tình hình bất ổn của đại dịch Covid-19. Trong đó, ngành khai khoáng tăng 3,3%, đóng góp 0,5 điểm phần trăm vào mức tăng chung; công nghiệp chế biến chế tạo tăng 11,0%, đóng góp 10,2 điểm phần trăm; sản xuất và phân phối điện tăng 8,0%; cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 10,3%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm.

⁵ Một số hộ ở huyện Lý Nhân và huyện Kim Bảng đã đưa ốc nhồi vào nuôi thả, ước tính ban đầu thu được 15 tấn góp phần tăng sản lượng nuôi trồng nhóm thủy sản khác.



Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là ngành đóng vai trò chủ chốt, thúc đẩy tăng trưởng chung của toàn ngành công nghiệp. Năm 2021, tính riêng chỉ số sản xuất ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đã đóng góp 10,2/10,8 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung ngành công nghiệp. Trong đó, một số ngành chủ lực chiếm tỷ trọng lớn có mức sản xuất tăng cao hơn mức tăng chung toàn ngành như: sản xuất chế biến thực phẩm (tăng 11,8%); sản xuất đồ uống (tăng 22,5%); thiết bị điện, sản phẩm điện tử (tăng từ 12,0-13,9%); sản xuất phương tiện vận tải khác (tăng 14,1%); sản xuất kim loại (tăng 16,2%)... Riêng ngành dệt có sự khởi sắc rõ rệt với mức tăng 9,2% so với năm trước (năm 2020, ngành dệt là ngành chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của dịch Covid-19 với chỉ số sản xuất giảm 11,6% so với năm 2019).

Bên cạnh đó một số ngành có mức sản xuất tăng nhẹ so với cùng kỳ như: sản xuất trang phục tăng 0,8%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 0,1%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 0,3%; sản xuất giường tủ bàn ghế tăng 0,5%...

Chỉ số sử dụng lao động ngành công nghiệp năm 2021 tăng 2,2% so với cùng kỳ; trong đó, một số ngành có chỉ số sử dụng lao động tăng cao như: sản xuất thiết bị điện, điện tử tăng 13,0%-18,5%; sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy tăng 12,5%; khai thác, xử lý và cung cấp nước tăng 12,4%...

Sản lượng một số sản phẩm chủ yếu năm 2021 có tốc độ tăng cao so với cùng kỳ như: bia các loại ước đạt 53,5 triệu lít, tăng 27,8%; sữa các loại ước đạt 130,8 triệu lít, tăng 17,1%; linh kiện điện tử ước đạt 92,1 triệu sản phẩm, tăng 15,4%; đồ chơi trẻ em ước đạt 125,6 triệu sản phẩm, tăng 15,5%...

Bước sang năm 2022, trong bối cảnh tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn tiếp tục có những diễn biến phức tạp với nhiều biến chủng mới lây lan nguy hiểm, dự báo vẫn còn tiếp tục ảnh hưởng đến kinh tế nói chung và các hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh nói riêng. Để góp phần thực hiện hiệu quả “mục tiêu kép”, các ngành chức năng cần triển khai kịp thời những chính sách hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường, khôi phục, mở rộng sản xuất, kinh doanh; tích cực đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, trong đó quan tâm nâng cao chất lượng dịch vụ như: điện, nước, xử lý nước thải, tiêu thoát nước...bảo đảm phục vụ kịp thời các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh đạt hiệu quả.

4. Đầu tư, xây dựng

Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện trên địa bàn năm 2021 ước đạt 35.605,1 tỷ đồng, tăng 3,0% so với năm trước và bằng 53,2% GDP⁶, đây là mức tăng thấp nhất trong giai đoạn 2010-2021 do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19. Trong đó vốn khu vực Nhà nước đạt 2.771,4 tỷ đồng, chiếm 7,8% tổng vốn và giảm 52,7% so với năm trước; khu vực ngoài Nhà nước đạt 23.791,1 tỷ đồng, bằng 66,8% và tăng 9,2%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 9.042,6 tỷ đồng, bằng 25,4% và tăng 30,4%.

Năm 2021, Vốn nhà nước trên địa bàn thực hiện tập trung ở các công trình, dự án lớn chuyển tiếp từ những năm trước như: hạ tầng khu du lịch Tam Chúc - Ba Sao, dự án phát triển Thành phố Phủ lý (phần bổ sung), dự án đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính, Bệnh viện Sản nhi; các dự án xây dựng, sửa chữa các tuyến đường chính; các dự án nạo vét, gia cố kênh tiêu, đê bồi; các dự án xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các cơ sở y tế, di tích văn hóa, trường học, an ninh, quốc phòng...

Vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý quý IV/2021 ước đạt 432,6 tỷ đồng, tăng 5,8% so với quý trước. Tính chung năm 2021, ước đạt 1.501,1 tỷ đồng, tương đương kế hoạch, giảm 32,1% so với năm 2020 (kế hoạch vốn năm 2021 giảm 31,9% so với năm 2020). Trong đó, vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh là 647,3 tỷ đồng, giảm 54,6% so với cùng kỳ; vốn cấp huyện là 672,7 tỷ đồng, tăng 89,0%; vốn cấp xã là 181,1 tỷ đồng, giảm 49,8%.

⁶ Vốn đầu tư các quý năm 2021 so cùng kỳ năm 2020: quý I đạt 8.031,1 tỷ đồng, tăng 5,0%; quý II đạt 8.768,5 tỷ đồng, tăng 2,4%; quý III đạt 9.142,5 tỷ đồng, giảm 0,2%; quý IV/2020 đạt 9.663,0 tỷ đồng, tăng 5,1%

5. Thương mại, dịch vụ

Năm 2021, dịch bệnh diễn biến phức tạp đã tác động trực tiếp đến các hoạt động thương mại, dịch vụ và vận tải trên địa bàn tỉnh: Doanh thu thương mại bị ảnh hưởng do thu nhập của người dân giảm và sức mua thấp, người dân chủ yếu chi tiêu vào các mặt hàng thiết yếu; hoạt động lưu trú, ăn uống giảm do các cơ sở kinh doanh phải tạm dừng hoạt động hoặc hoạt động ở mức độ hạn chế; ngành du lịch lữ hành chịu ảnh hưởng lớn nhất, hầu hết các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành đều ngừng hoạt động; hoạt động vận tải chịu tác động nặng nề nhất là vận tải hành khách... Sau khi thực hiện *Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ về “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19”*, các hoạt động thương mại, dịch vụ đã có nhiều diễn biến tích cực, các cơ sở kinh doanh thương mại, dịch vụ và vận tải trên địa bàn tỉnh hoạt động trở lại trong trạng thái “bình thường mới”. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội vẫn giữ mức tăng trưởng khá so cùng kỳ 2020.

a. Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành

Tính chung cả năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 31.137,3 tỷ đồng, tăng 9,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: tổng mức bán lẻ ước đạt 25.845,7 tỷ đồng, tăng 11,6%; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 1.889,1 tỷ đồng, giảm 5,3%; doanh thu du lịch lữ hành 41,0 tỷ đồng, giảm 55,3%; doanh thu dịch vụ khác 3.361,5 tỷ đồng, tăng 4,1% so cùng kỳ.

Trong năm 2021, doanh thu các nhóm ngành hàng bán lẻ đều tăng so với cùng kỳ 2020 với mức tăng từ 0,5%-30,4%, chỉ duy nhất nhóm hàng Vật phẩm, văn hóa, giáo dục giảm 4,3%. Trong đó, một số nhóm hàng tăng cao như: Ô tô con (dưới 9 chỗ ngồi) tăng 30,4%; Lương thực, thực phẩm tăng 16,9%; Nhiên liệu khác (trừ xăng dầu) tăng 15,2%; Hàng may mặc tăng 12,8%; Gỗ và vật liệu xây dựng tăng 10,3%...

b. Giá cả

Giá nhiên liệu thế giới tăng cao kéo theo giá nhiên liệu trong nước tăng cao liên tục; giá nhiều mặt hàng lương thực, thực phẩm trong năm tăng khá cao do nhu cầu tích trữ hàng hóa của người dân tăng khi dịch Covid-19 bùng phát trở lại; giá sắt thép cùng nhiều loại vật liệu xây dựng khác tăng cao; giá một số mặt hàng tiêu dùng khác như may mặc, thiết bị và đồ dùng gia đình tăng... là những nguyên nhân chính tác động trực tiếp tới chỉ số giá tiêu dùng năm 2021, CPI bình quân năm tăng 1,04% so với cùng kỳ năm 2020. Cụ thể, có 09/11

nhóm hàng hóa có chỉ số giá tăng: Giao thông +12,75%; may mặc, mũ nón và giày dép +2,98%; nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng +2,57%; đồ uống và thuốc lá +1,77%; hàng hóa và dịch vụ khác +1,59%; thiết bị và đồ dùng gia đình +0,84%; giáo dục +0,50%; văn hóa, giải trí và du lịch +0,04%; thuốc và dịch vụ y tế +0,01%. Có 02/11 nhóm hàng hóa có chỉ số giảm: bưu chính viễn thông -0,04%; hàng ăn và dịch vụ ăn uống -2,55%. Chỉ số giá vàng và đô la Mỹ biến động trái chiều nhau, chỉ số giá vàng +7,07%, giá đô la Mỹ -1,19% so với cùng kỳ.

c. Vận tải

Năm 2021, ngành vận tải tiếp tục chịu ảnh hưởng nặng nề do dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, nhiều địa phương trong cả nước phải thực hiện giãn cách xã hội, việc đi lại giữa các tỉnh, địa phương được kiểm soát chặt chẽ nhằm đảm bảo yêu cầu phòng chống dịch bệnh lây lan đã gây trở ngại lớn đối với ngành vận tải, nhất là vận tải hành khách.

Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận năm 2021 ước đạt 4.078,7 tỷ đồng, tăng 1,5% so cùng kỳ năm 2020, trong đó: doanh thu vận tải hành khách đạt 246,5 tỷ đồng, giảm 33,0%; doanh thu vận tải hàng hóa đạt 3.787,6 tỷ đồng, tăng 5,1%; doanh thu dịch vụ hỗ trợ ước đạt 44,6 tỷ đồng, giảm 4,3% so cùng kỳ.

Khối lượng vận chuyển hành khách năm 2021 ước đạt 4,2 triệu HK, giảm 35,7% so với cùng kỳ; khối lượng luân chuyển hành khách 301,9 triệu lượt HK.km, giảm 34,7% so cùng kỳ năm 2020.

Khối lượng vận chuyển hàng hóa năm 2021 ước đạt 39,5 triệu tấn, tăng 1,8% so với cùng kỳ; khối lượng luân chuyển hàng hóa đạt 1.760,1 triệu tấn.km, tăng 4,4% so cùng kỳ năm 2020.

6. Hoạt động của doanh nghiệp

Năm 2021, dịch bệnh đã làm cho hoạt động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh bị ảnh hưởng nặng nề, đặc biệt là những doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực vận tải; du lịch, lữ hành; xuất nhập khẩu hàng hóa; dệt may; hàng mỹ ký; các mặt hàng điện, điện tử; các mặt hàng từ nhựa xuất khẩu...

Từ đầu năm đến nay, mặc dù bị ảnh hưởng của dịch bệnh nhưng trên địa bàn toàn tỉnh đã có 35 dự án trong KCN chính thức đi vào hoạt động và hoạt động giai đoạn 1. Trong đó, một số dự án lớn như: Dự án SX linh kiện điện tử của Công ty TNHH Hua Zhuang Electronics (công suất 13 triệu SP/năm); Công ty TNHH Kỹ thuật nhà xưởng Kokyo SX linh kiện, thiết bị cơ khí (công suất 60 tấn

SP/năm); Công ty TNHH DMK Global Vina SX gia công đồ chơi (công suất 4,6 tỷ bộ SP/năm); Dự án gia công phối trộn sơn của Công ty TNHH Yoolim Speciatly Chemicals Vina (công suất 150.000 kg/năm); Công ty TNHH Siyoto Vina Electronics SX tai nghe (công suất 9 triệu SP/năm); Dự án SX máy nước nóng, máy lọc nước của Công ty Cổ phần Quốc tế Tân Á Hà Nam (công suất 500.000 bình nước và bồn nước các loại); Dự án SX chế tạo linh kiện máy bay, ô tô, xe máy của Công ty TNHH Công nghiệp Haast Việt Nam (công suất 30 triệu SP/năm)...

Theo Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam, tính từ đầu năm đến thời điểm 15/12/2021, cả tỉnh có 643 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký 10.125 tỷ đồng; có 346 doanh nghiệp thông báo tạm ngừng và giải thể.

Lũy kế đến 30/11/2021 trên địa bàn tỉnh Hà Nam có 1.060 dự án đầu tư còn hiệu lực (339 dự án FDI và 721 dự án trong nước) với vốn đăng ký 4.570,7 triệu USD và 146.035 tỷ đồng.

7. Thu hút đầu tư của tỉnh

Theo báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nam:

- Thu hút đầu tư trong nước: tính từ đầu năm đến 30/11/2021, toàn tỉnh cấp mới 24 dự án đầu tư trong nước, tổng vốn đầu tư đạt 8.064,4 tỷ đồng. Thực hiện điều chỉnh tăng, giảm vốn đầu tư 15 dự án với tổng vốn đầu tư tăng 499,1 tỷ đồng; thu hồi giấy phép đầu tư 03 dự án với tổng vốn đăng ký 162,1 tỷ đồng.

- Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): trong tháng 11/2021, tỉnh cấp mới 03 dự án với tổng vốn đăng ký 48,4 triệu USD. Lũy kế từ đầu năm đến 30/11/2021, toàn tỉnh có 18 dự án FDI đăng ký mới với tổng vốn đăng ký đầu tư 221,6 triệu USD; 19 dự án điều chỉnh tăng vốn đầu tư với tổng vốn đầu tư tăng 63,5 triệu USD; thực hiện thu hồi giấy phép đầu tư 04 dự án với tổng vốn đăng ký 7,1 triệu USD.

8. Kết quả hoạt động lĩnh vực ngân hàng, tín dụng

Theo báo cáo của Ngân hàng Nhà nước tỉnh Hà Nam, huy động vốn của các tổ chức tín dụng ước thực hiện đến 31/12/2021 ước đạt 53,3 nghìn tỷ đồng, tăng 7,0% so với thời điểm 31/12/2020; dư nợ tín dụng toàn tỉnh đạt 56,8 nghìn tỷ đồng, tăng 14,9% so với thời điểm 31/12/2020; tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ là 0,58%, giảm 0,4% so với thời điểm 31/12/2020.

Năm 2021, mặt bằng lãi suất huy động, cho vay của các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh khá đồng đều, đảm bảo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về trần lãi suất huy động VND, USD.

- Đối với VND: Lãi suất huy động tiền gửi phổ biến ở mức 3,1 - 4%/năm đối với kỳ hạn từ 1 đến dưới 6 tháng, từ 4 - 5,5%/năm đối với kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng, từ 5,5 - 6%/năm đối với kỳ hạn trên 12 tháng. Lãi suất cho vay phổ biến ở mức 6 - 8%/năm đối với ngắn hạn, 8 - 10%/năm đối với trung và dài hạn.

- Đối với USD: Lãi suất huy động là 0%/năm đối với tiền gửi của tổ chức và cá nhân. Lãi suất cho vay phổ biến ở mức 3,5 - 5%/năm đối với ngắn hạn, từ 4 - 5,5%/năm đối với trung và dài hạn.

9. Dân số, lao động, việc làm và đời sống dân cư

- *Dân số*: Ước tính sơ bộ dân số năm 2021 của tỉnh Hà Nam là 875.216 người, tăng 1,55% so với năm 2020. Theo cơ cấu, dân số nam chiếm 49,3%, dân số nữ chiếm 50,7%; dân số khu vực thành thị chiếm 28% và khu vực nông thôn chiếm 72%.

- *Lao động, việc làm*: Theo kết quả điều tra sơ bộ từ Điều tra Lao động việc làm năm 2021, tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế năm 2021 là 485.325 người, tăng 1,34% so với năm 2020. Trong đó lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ lệ 24,25%; lao động công nghiệp và xây dựng chiếm tỷ lệ 46,83%; dịch vụ chiếm tỷ lệ 28,92%. Theo Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Nam, công tác giải quyết việc làm cho người lao động được thực hiện tốt, toàn tỉnh giải quyết việc làm mới cho 23.601 người (*đạt 134,86% KH năm, vượt chỉ tiêu so với kế hoạch đề ra 34,86%*), trong đó XKLD là 395 người. Giải quyết việc làm thêm cho 24.498 người. Do tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh đã tăng cường các hoạt động giao dịch việc làm, tư vấn, giới thiệu việc làm qua hình thức trực tuyến để kết nối cung - cầu lao động. Tổ chức 35 phiên giao dịch việc làm (trong đó có 02 phiên cố định, 03 phiên lưu động, 30 phiên giao dịch việc làm online), 776 lượt đơn vị, doanh nghiệp tham gia tuyển dụng; 7.131 người được tư vấn về việc làm trong đó có 4.828 lượt người tìm được việc làm.

- *Công tác đảm bảo an sinh xã hội và đời sống dân cư*: Trong điều kiện dịch bệnh Covid-19 diễn biến ngày càng phức tạp, ảnh hưởng trực tiếp đến lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất cá thể; một số doanh nghiệp, cơ sở cá thể phải sản xuất, kinh doanh cầm chừng, cho

người lao động nghỉ luân phiên, cá biệt có những đơn vị phải dừng hoạt động sản xuất, kinh doanh. Được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, sự cố gắng nỗ lực của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh và người lao động nên đời sống của các tầng lớp dân cư trong tỉnh vẫn giữ ở mức ổn định. Để khắc phục phần nào những ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến đời sống người lao động, thực hiện Nghị quyết 126/NQ-CP ban hành ngày 08/11/2021 của Chính phủ; Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19. Tính đến ngày 31/11/2021 đã hỗ trợ cho 2.924 đơn vị sản xuất, hộ kinh doanh và 124.363 người với tổng số tiền trên 20,6 tỷ đồng.

- *Thực hiện chính sách người có công:* Theo báo cáo của Sở Lao động Thương binh và xã hội, kết quả thăm hỏi và tặng quà Nhân dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu với tổng giá trị tiền mặt và hiện vật quy ra là 54,13 tỷ đồng. Nhân dịp kỷ niệm 74 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ 27/7/2021, Các cấp chính quyền và các ban ngành trong tỉnh đã đi thăm, tặng quà tại các huyện, thành phố; các đơn vị, trung tâm trong và ngoài tỉnh; các đồng chí thương bệnh binh nặng là người Hà Nam đang điều dưỡng tại các trung tâm điều dưỡng, các cụ lão thành cách mạng, cán bộ chủ chốt của tỉnh đã nghỉ hưu và một số đối tượng người có công, kết quả toàn tỉnh có 27.955 lượt người có công được nhận quà tặng của Chủ tịch nước với số tiền là 8,6 tỷ đồng; quà của tỉnh tặng cho 28.114 người có công với trị giá 17,0 tỷ đồng.

- *Chính sách đối với người nghèo:* Trong năm 2021 công tác xóa đói, giảm nghèo tiếp tục được quan tâm; tỷ lệ hộ nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2021 từ 1,84% xuống còn 1,58% (giảm 0,26% so với kế hoạch năm 2020 và vượt kế hoạch năm 2021 đã đề ra 0,13%). Sở Lao động Thương binh và Xã hội đã phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh và UBND các huyện, thành phố tổ chức mua và cấp thẻ BHYT cho 5.393 người thuộc diện hộ nghèo, 13.250 người thuộc diện hộ cận nghèo và 95.997 thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi.

- *Thực hiện chính sách bảo trợ xã hội:* Toàn tỉnh đang quản lý và thực hiện chi trả trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng cho trên 42.400 đối tượng bảo trợ xã hội với tổng số tiền trên 16,2 tỷ đồng/tháng.

- *Tình hình thu nhập:* Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 một số doanh nghiệp phải thực hiện giãn việc, tạm ngừng việc, điều chỉnh kế hoạch sản xuất, bố trí cho người lao động nghỉ luân phiên; nhiều doanh nghiệp phải thực hiện

phong tỏa và sản xuất “3 tại chỗ”. Từ đó, ảnh hưởng đến việc làm, thu nhập và đời sống của công nhân lao động; nhiều người lao động bị mất việc làm, tạm ngừng việc, giảm thu nhập. Ước tính thu nhập bình quân của người lao động từ 4,5 triệu đến 7,5 triệu đồng/người/tháng; thu nhập khu vực thành thị ước tính khoảng 5,5 triệu đồng/người/tháng, thu nhập khu vực nông thôn ước tính khoảng 3,8 triệu đồng/người/tháng.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRONG NĂM 2022

1. Khó khăn, thách thức

Năm 2021, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh cơ bản ổn định và phát triển. Tổng sản phẩm trong tỉnh tăng trưởng 8,85%. Sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thu ngân sách, xuất nhập khẩu duy trì mức tăng trưởng khá so với cùng kỳ. Thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh đặc biệt là dịch bệnh Covid-19. Các chính sách đảm bảo an sinh xã hội được triển khai kịp thời, thiết thực. Cải cách hành chính có chuyển biến tích cực. Quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, đời sống nhân dân ổn định; đảm bảo tốt các điều kiện và tổ chức thành công bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh còn những tồn tại, hạn chế:

- Các hoạt động văn hoá xã hội, sự kiện thể thao đã chuẩn bị, sẵn sàng các điều kiện để tổ chức song phải tạm dừng để tập trung công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

- Công tác tuyên truyền phổ biến các quy định về phòng chống dịch Covid-19, ý thức tự giác chấp hành các quy định phòng chống dịch của một số cá nhân, tổ chức chưa nghiêm, còn để lây lan dịch Covid-19 ra cộng đồng.

- Thu hút đầu tư giảm so với cùng kỳ về số dự án và tổng vốn đầu tư; một số doanh nghiệp tiến độ đầu tư chậm, hiệu quả hoạt động thấp; giải phóng mặt bằng, thi công một số dự án còn khó khăn, tiến độ giải ngân chậm.

- Thị trường bất động sản ở một số địa phương chưa thật sự ổn định, lành mạnh; công tác quản lý khai thác vận tải thủy nội địa, thu gom, xử lý rác thải thiếu chặt chẽ; một số lĩnh vực thu, nguồn thu chưa huy động đầy đủ, kịp thời.

2. Nhiệm vụ, giải pháp

Kinh tế của tỉnh trong năm 2022 diễn ra giữa lúc đà tăng trưởng kinh tế thế giới và thương mại toàn cầu bị đe dọa do tác động của làn sóng dịch COVID-19 lần thứ tư, tỷ lệ tiêm chủng ở các nước được phủ kín nhưng chưa đồng đều; các chuỗi cung ứng và các liên kết sản xuất bị gián đoạn; giá năng lượng, giá nguyên

vật liệu tăng gây áp lực lớn đến lạm phát. Việc bảo vệ sức khoẻ và ổn định sản xuất, giữ vững an ninh và an sinh xã hội là thách thức đòi hỏi nỗ lực rất lớn của Chính quyền cùng doanh nghiệp và người dân toàn tỉnh. Đứng trước những khó khăn nêu trên, để hoàn thành đồng thời 02 nhiệm vụ: vừa chiến thắng dịch bệnh, bảo vệ sức khoẻ cho người dân, vừa ổn định xã hội, hỗ trợ doanh nghiệp vượt khó thì trong năm 2022 cần tập trung giải quyết nhanh các nội dung chủ yếu sau đây:

Một là, tiếp tục thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo chỉ đạo của Ban chỉ đạo quốc gia phòng chống dịch bệnh. Không chủ quan, lơ là; cách ly có chọn lọc, linh hoạt, thích ứng với trạng thái bình thường mới; nâng cao năng lực xét nghiệm cùng với năng lực điều trị bệnh Covid-19, năng lực tiêm chủng tại các cơ sở y tế.

Hai là, huy động sức mạnh của toàn hệ thống chính trị, khơi dậy sức mạnh văn hoá của người Việt Nam để mỗi người là một chiến sĩ trong việc tự bảo vệ sức khoẻ của chính bản thân và gia đình, bảo vệ doanh nghiệp, cơ quan, trường học không bị nhiễm virus. Thực hiện các chính sách giảm, giãn thuế; chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế để duy trì hoạt động của doanh nghiệp nhằm tạo việc làm và thu nhập tối thiểu cho người lao động.

Ba là, Kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp phục hồi, phát triển sản xuất kinh doanh, nhất là doanh nghiệp có dự án mới hoàn thành đi vào sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp thuộc ngành, lĩnh vực bị ảnh hưởng nhiều bởi dịch Covid-19. Tổ chức thực hiện chương trình cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2025. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô, xe máy. Trước mắt, ưu tiên tháo gỡ khó khăn cho các dự án chậm giải ngân, đặc biệt là các dự án trọng điểm, quy mô lớn, có sức lan tỏa, nâng cao năng lực sản xuất cho nền kinh tế.

Bốn là, Tăng cường quản lý thu, chống thất thu, chuyển giá, hạn chế nợ đọng ngân sách; thường xuyên rà soát các cơ sở, căn cứ thu để điều chỉnh kịp thời, phù hợp; phấn đấu hoàn thành vượt mức dự toán thu ngân sách năm 2022 để đảm bảo cân đối thu chi của tỉnh.

Năm là, nâng cao hiệu quả xúc tiến thương mại, nhằm mở rộng thị trường xuất khẩu, tích cực khai thác cơ hội của các hiệp định thương mại tự do.

Sáu là, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; đảm bảo an sinh, phúc lợi xã hội và giảm nghèo bền vững nhằm hỗ trợ tích cực cho phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh./.

CỤC THỐNG KÊ HÀ NAM